

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*
NGUYỄN THỊ BÍCH THÚY**

ĐA DẠNG TÔN GIÁO Ở TÂY NAM BỘ (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Kiên Giang)

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến đa dạng tôn giáo ở miền Tây Nam Bộ qua nghiên cứu trường hợp tỉnh Kiên Giang. Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang không chỉ thể hiện ở số lượng: 11 tôn giáo, 21 tổ chức tôn giáo mà còn thể hiện đa dạng ở mỗi tôn giáo. Đa dạng tôn giáo thể hiện qua dung thông các tôn giáo, tôn giáo với tín ngưỡng, tôn giáo với văn hóa tộc người. Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang có những đặc điểm như cố kết cá nhân thành những cộng đồng tôn giáo nhỏ; góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người; làm đậm tính thiêng của đối tượng thờ cúng.

Từ khóa: Đa dạng tôn giáo; Tây Nam Bộ; Việt Nam.

Dẫn nhập

Là một tỉnh thuộc cực nam miền Tây Nam Bộ, tín ngưỡng, tôn giáo ở Kiên Giang trong lịch sử và hiện tại là đa dạng. Ở đây, vừa có tôn giáo ngoại nhập vừa có tôn giáo nội sinh được các nhà nghiên cứu gọi là “dòng tôn giáo bản địa”, như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Phật giáo Hòa Hảo. Từ góc nhìn đa dạng tôn giáo cho thấy, Kiên Giang là một trong những tỉnh tiêu biểu của miền Tây Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Thống kê năm 2017 của Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang cho thấy, toàn tỉnh có 11 tôn giáo, với 21 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận¹.

Điều kiện nào dẫn đến sự đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang?

Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang được biểu hiện cụ thể như thế nào?

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày nhận bài: 04/9/2018; Ngày biên tập: 29/11/2018; Ngày duyệt đăng: 10/12/2018.

Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang tạo nên những đặc điểm tôn giáo gì?
Đó là những nội dung mà bài viết bước đầu làm sáng tỏ.

1. Điều kiện tạo nên đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang

1.1. Vị trí địa lý

Kiên Giang nằm trong vùng Vịnh Thái Lan, tiếp giáp và gần với các nước Đông Nam Á, như: Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore. Vị trí này giúp Kiên Giang từ rất sớm trong lịch sử đã có giao lưu kinh tế, văn hóa, đặc biệt là tôn giáo như Phật giáo Nam tông Khmer (Theravada), về sau là Nam Tông Kinh, Islam giáo (quen gọi là Hồi giáo).

Đây là tỉnh nằm tận cùng phía Tây Nam đất nước, là vùng đất thuộc Trấn Hà Tiên. Đến thời vua Minh Mạng, Hà Tiên là một trong sáu tỉnh Nam Kỳ. Địa giới của Kiên Giang bao gồm đất liền và hải đảo. Phía Bắc giáp Campuchia, đường biên giới là 56,8 km, phía Nam giáp tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau, phía Tây giáp Vịnh Thái Lan với đường bờ biển dài 200 km, phía Đông lần lượt tiếp giáp với tỉnh An Giang, Thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang. Phần hải đảo nằm trong vịnh Thái Lan bao gồm hơn 100 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó, lớn nhất là đảo Phú Quốc - Đảo Ngọc.

1.2. Điều kiện tự nhiên

Kiên Giang có đủ dạng địa hình từ đồng bằng đến rừng núi và biển đảo. Phần đất liền tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, cây ăn quả, tạo nên vùng chuyên canh với một số cây trồng có giá trị cao như dứa, khóm (dứa). Rừng ở Kiên Giang hiện tại rất ít, chủ yếu là rừng ngập mặn, rừng phòng hộ. Tuy nhiên, trong lịch sử trước khi mảnh đất này được khai phá, nơi đây là những cánh rừng bạt ngàn với cây Giá, Tràm, Tre trúc, v.v... Núi ở Kiên Giang tương đối thấp, chủ yếu ở Hà Tiên, đảo Phú Quốc với một số hang động đá vôi, xưa kia gắn với những cánh rừng rậm rạp. Vùng biển dài, rộng với hệ thống sông ngòi chằng chịt tạo cho Kiên Giang vừa có nét chung của vùng sông nước Tây Nam Bộ với mùa nước nổi lại có những nét riêng biển, đảo.

1.3. Tộc người

Hiện diện ở Kiên Giang có 3 tộc người chính: Người Kinh (Việt), Khmer và Hoa, ngoài ra còn có người Chăm, Mã Lai, Ấn Độ...² trong đó người Kinh chiếm đa số. Lịch sử khai phá miền đất Kiên Giang thuộc về ba tộc người Kinh, Khmer và Hoa. Các ấp, phum, sóc... theo thời gian được hình thành, từ đó hình thành nên các cộng đồng dân cư, có thể cư trú riêng biệt theo tộc người (tiêu biểu là các phum, sóc của tộc người Khmer) cũng có khi là cộng cư.

Trải thời gian, Kiên Giang nói riêng, vùng đất Tây Nam Bộ nói chung trở nên trù mật với những cánh đồng “thẳng cánh cò bay”. Đời sống cư dân ổn định. Các tộc người gắn bó, hòa quyện, tương thân, tương ái.

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên tạo nên con người Nam Bộ (trong đó có con người Kiên Giang) nghĩa hiệp, hào phóng, đôi khi là ngang tàng. Từ đó xuất hiện nên những ông đạo, xuất hiện những nhân vật giang hồ (sông nước) pha chút anh hùng, thảo khấu.

1.4. Văn hóa

Các tộc người đến khai phá miền đất Kiên Giang tuy là “những mảnh vỡ” ở các vùng miền khác nhau của đất nước, hay đến từ Trung Hoa... nhưng đều mang theo những giá trị văn hóa nhất định. Quá trình cộng cư, sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người theo thời gian sản sinh ra những hoa trái văn hóa mới với những giá trị mới.

Trở lại lịch sử, “thuở hồng hoang” của vùng đất Tây Nam Bộ, nơi đây hình thành nên cơ tầng văn hóa phi Việt của quốc gia cổ có tên là Phù Nam, xuất hiện đầu Công nguyên đến thế kỷ VI và VII. Sau đó là một quốc gia kế tiếp mà sử gọi là Chân Lạp (Chen La). Vương quốc Chân Lạp bao gồm toàn bộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay và một phần Đông Nam Campuchia³. Nền văn hóa phi vật thể được biết đến qua di tích Óc Eo - vùng chân núi Ba Thê, xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Đó là nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Ấn Độ với cốt lõi là Bà la môn giáo về sau là Ấn giáo.

Cơ tầng văn hóa Ấn không chỉ “lưu giữ” trong lòng đất mà còn hiện diện trên mặt đất, tháp nhập vào văn hóa của cư dân Khmer, cư dân Chăm hiện diện ở vùng đất Kiên Giang.

Vì vậy, văn hóa vùng đất Kiên Giang vừa là văn hóa hỗn dung của các tộc người vừa tiếp biến văn hóa tộc người, khiến cho nó trở nên đa dạng, phong phú với một bức tranh đa màu sắc, sinh động.

1.5. Tín ngưỡng

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, yếu tố tộc người và văn hóa là những nhân tố tạo cho Kiên Giang một vùng đất đa dạng, hỗn dung các loại hình tín ngưỡng.

Tín ngưỡng thờ nhân thần: Ở một vùng đất đầy áp những biến động lịch sử về khai khẩn mở đất, đấu tranh sinh tồn với thiên nhiên, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nơi đây xuất hiện nhiều tấm gương sáng chói trong sử sách cũng như trong tâm thức người dân. Để rồi khi họ qua đời, người dân lập đền miếu thờ cúng họ. Một trong những nhân vật tiêu biểu được kể đến trước hết là Nguyễn Trung Trực - “người anh hùng bất tử đất Nam Bộ”. Nguyễn Trung Trực là tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, chí khí quật cường, là một trong những người đầu tiên chống thực dân Pháp ở Nam Bộ vào nửa sau thế kỷ 19. Hoạt động quân sự và những chiến công hiển hách của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đã in dấu son vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, đặc biệt là chiến công trong trận đánh tàu L'Espérance (Hi vọng) trên vàm sông Nhật Tảo ngày 10/12/1861 và trận thắng lớn tấn công vào tỉnh lỵ Kiên Giang ngày 16/6/1868, tiêu diệt nhiều giặc Pháp, trong đó có Tỉnh trưởng người Pháp. Lòng yêu nước, quyết tâm chống ngoại xâm đã được Nguyễn Trung Trực khẳng định bằng câu nói đã trở thành bất tử: “Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”⁴. Tấm gương hy sinh oanh liệt vì nước vì dân của ông được nhân dân các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long xây dựng hàng chục ngôi đình để thờ ông “làm thành hoàng bổn cảnh”. Tại Rạch Giá, Kiên Giang, khu di tích thờ ông được Nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia năm 1987. Lễ hội kỷ niệm ngày hy sinh của ông diễn ra vào các ngày 26-28 tháng 8 Âm lịch hằng năm⁵. Giữa Nguyễn Trung Trực và Bửu Sơn Kỳ Hương, đặc biệt là Phật giáo Hòa Hảo, có sự gắn kết trong đời sống tâm linh (Nội dung này sẽ được bài viết trình bày kỹ ở phần sau).

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, Kiên Giang có nhiều chùa là cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng; hàng chục nhà sư với các hình thức khác nhau tham gia kháng chiến kiến quốc, tiêu biểu là 4 nhà sư liệt sĩ. Họ được nhân dân, Phật tử dựng đền để thờ, gọi là đền thờ 4 nhà sư liệt sĩ⁶.

Thờ cúng các nhân thần còn phải kể đến việc thờ cúng Mạc Cửu - người có công khai phá vùng đất Hà Tiên, đem vùng đất này gia nhập vào lãnh thổ Việt Nam. Cơ sở thờ tự được tu bổ thường xuyên, quanh năm hương khói bởi cư dân đến chiêm bái. Trong cộng đồng người Hoa, còn có tín ngưỡng thờ Quan Công/Quan Vân Trường, một nhân vật lịch sử nhưng rất nhiều huyền thoại.

Những vị có công mở đất, lập làng, những vị Tiên hiền, Hậu hiền tuy tên tuổi ẩn tàng nhưng đều được “hợp tự” tại các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau.

Tín ngưỡng thờ nhiên thần: Thuộc vùng đất đa dạng điều kiện tự nhiên là nguyên nhân dẫn đến đa dạng tín ngưỡng nhiên thần. Đó là các vị thần núi (Sơn Thần ở các hang động) thần sông, biển (Thủy Thần). Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi, Bà Thủy/Thủy Long/Thủy Long thần nữ/Thủy Long công chúa vốn từ Ngũ hành (Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ tách ra). Thủy Long có vị trí đặc biệt gắn với sự sống còn của cư dân sông nước. Người dân ven sông, biển lập miếu thờ và cúng vào ngày vía tháng Năm, tháng Chạp, tháng Giêng. Tại ấp Hòn Chông (xã Bình An, huyện Kiên Lương) có ngôi miếu Thủy Long thờ Thủy Long công chúa và phối thờ một số nữ thần. Cạnh đó, còn thờ Nam Hải tướng quân (Cá Voi)⁷. Thờ Bà Thủy còn thấy ở nơi chính điện có các vị nữ thần khác như Chúa Tiên Nương Nương, Thiên Y Ana, Chúa Ngọc, ... “Nhưng cao hơn hết và phổ biến hơn hết là tín ngưỡng Bà Chúa Xứ, một dạng phúc thần, cai quản đất đai, sông biển, cù lao và bảo hộ cư dân an lạc”⁸.

Tín ngưỡng thờ nhiên thần còn phải kể đến nghi tục thờ Trời (Thiên) thờ đất (Thổ thần), thờ ông Tà (Neak Tà) của người Khmer, một vị thần cai quản một vùng đất như ngã ba sông, một đoạn đường, một gò đất...⁹.

Tín ngưỡng liên quan đến vòng đời người: Là vùng đất hợp cư của ba tộc người chính (Kinh, Khmer, Hoa và một số tộc người khác) đã làm cho tín ngưỡng liên quan đến vòng đời người ở Kiên Giang đa dạng và phong phú. Đó bởi trước hết, mỗi tộc người có các hình thức và nghi tục khác nhau. Đó còn bởi sự giao thoa giữa các nghi tục. Song, có thể quy vào các “mốc”: mang thai, sinh nở, thiếu niên, trung niên, về già, qua đời, giỗ chạp.

2. Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang - Những biểu hiện

Theo Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang, tính đến thời điểm năm 2017 trên địa bàn Kiên Giang có “11 tôn giáo với 21 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận, gồm: Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Islam giáo (Hồi giáo), Baha’i, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Tin Lành (có 6 hệ phái), Cao Đài (có 6 chi phái và 01 pháp môn) và 01 tổ chức Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo.

Có 01 hội thánh (cấp toàn đạo), 02 tổ chức tôn giáo cấp tỉnh, 14 tổ chức tôn giáo cấp huyện, 8 tổ chức tôn giáo trên cơ sở không phải là cấp giáo hội, 385 tổ chức tôn giáo cơ sở, 41 tổ chức tôn giáo dưới cơ sở”.

Về tín đồ, chức sắc, nhà tu hành và chức việc: Tín đồ: 590.756 người (chiếm 34, 75% dân số toàn tỉnh); Chức sắc, nhà tu hành: 1.586 người; Chức việc: 3.580 người¹⁰.

2.1. Phật giáo ở Kiên Giang

Trên địa bàn Kiên Giang hiện diện các hệ phái của Phật giáo, như: Bắc tông¹¹, Nam tông Kinh và Nam tông Khmer, hệ phái Khất sĩ, Hoa tông¹².

Phật giáo Nam tông

Dân tộc Khmer là một trong những dân tộc sớm hiện diện ở Tây Nam Bộ trong đó có Kiên Giang. Đây là tộc người sớm đón nhận Phật giáo. Tại Kiên Giang, các nhà khảo cổ học đã khai quật được những cổ vật: tháp, tượng Phật, thần... có niên đại 300 - 400 năm tr. CN¹³. Theo tác giả Nguyễn Văn Sáu, “nếu địa danh Su van na ba hũ mi là

tiền thân của đế quốc Phù Nam thì Phật giáo nguyên thủy Nam tông đã có mặt ở miền Nam Việt Nam vào thế kỷ III tr.CN¹⁴.

Một trong những ngôi chùa cổ ở Kiên Giang trước hết phải kể đến là chùa Phật Lớn. Chùa tọa lạc ở phường Vĩnh Quang, Thành phố Rạch Giá, có pháp danh là Ut Đôn Men Chi, được xây dựng từ năm 1504 (năm 2047 Phật lịch). Địa điểm đầu tiên của chùa là khu rừng phía Tây Bắc rạch xấp trắng (tiếng Khmer là Kro muan xo). Đó là địa danh do nhân dân đặt, vì chưa có phum, sóc như bây giờ. Chùa được xây dựng do nhu cầu tôn giáo của cư dân. Các vị chư tăng và Hòa thượng MÔL Chi là những vị sư tiêu biểu của chùa. Chùa ban đầu là ngôi nhà sàn (do vùng này thường có lũ), mái lá. Hòa thượng cùng các chư tăng một mặt lo đời sống đạo, mặt khác còn chăm lo đời sống kinh tế, từ thiện, bốc thuốc chữa bệnh của người dân. Theo năm tháng, các vị hòa thượng và chư tăng các đời kế thế, “truyền đăng, tục diệm”, xây sửa, trùng tu chùa cảnh. Bà con Phật tử theo đó quy tụ về ngày một đông. Nhờ đó đến nay “Chùa Phật vẫn đứng hiên ngang dưới bầu trời tự do, độc lập”¹⁵.

Ngôi chùa của Phật giáo Nam tông Khmer được xem là có tuổi đời lâu năm thứ hai là Thiên Trúc Tự (chùa Phật Lớn). Thiên Trúc Tự tọa lạc dưới chân núi Đền Liên (xưa gọi là núi Bát Giác) thuộc thị xã Hà Tiên, được xem là ngôi chùa cổ thứ hai của Phật giáo Nam tông (Theravada). Sở dĩ chùa còn có tên gọi là *chùa Phật Lớn* vì “Bên trong ngôi chính điện có tượng Phật Thích Ca (tượng Phật Lớn) ngồi trên Bồ đoàn, ngay giữa chính điện”. Trong dịp trùng tu ngôi chùa (1960-1963), người dân tìm thấy một số viên gạch dưới Bồ đoàn nơi pho tượng Phật Lớn ngồi, có một viên gạch ghi những chữ số (theo mẫu chữ Khmer): 1616. Từ đó dẫn đến suy đoán, Thiên Trúc Tự có trước thời điểm 1616. Thiên Trúc Tự xưa kia là nơi chư tăng Nam tông Khmer cư trú, sinh hoạt tu học và tổ chức những ngày lễ hội theo truyền thống Phật giáo Theravada. Sau này vì những lý do khác nhau, chùa chuyển qua sự quản lý của hệ phái Bắc tông (Mahayana). Lịch sử chùa ghi lại, năm 1662, đại lão hòa thượng Ấn Đàm thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 35 Trung Hoa đến Thiên Trúc Tự. Đại hồng chung hiện diện ở chính điện có thể là vật tích của Hòa thượng để lại trong

thời gian tu niệm nơi đây vì chùa Nam tông Khmer không có chuông. Và cũng theo suy đoán, năm 1662 khi Hòa thượng đến chùa thì Thiên Trúc Tự đã có¹⁶. Như vậy ít nhất vào đầu thế kỷ XVII tại Kiên Giang đã hiện diện một ngôi chùa Nam tông Khmer. Nếu thời điểm trên được ghi nhận thì Thiên Trúc Tự được xem là một trong những ngôi chùa cổ ở Tây Nam Bộ¹⁷.

Người Khmer sinh sống ở Kiên Giang nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng thường chọn các giồng đất (nơi đất cao) quần cư, lập nên các phum sóc. Nghề nghiệp chủ yếu là làm ruộng, chăn nuôi nhỏ, trồng cây ăn quả. Theo thời gian, mỗi sóc thường có một ngôi chùa. Ngôi chùa với người Khmer có vị trí hết sức quan trọng. Hiện tại, Phật giáo Nam tông Khmer ở Kiên Giang có 75 ngôi chùa.

Trong ngôi nhà của Phật giáo Nam tông, ngoài Phật giáo Nam tông Khmer còn có Phật giáo Nam tông Kinh. Tài liệu của Trần Khánh Dư cho biết “Đầu những năm 30 của thế kỷ XX, Phật giáo nguyên thủy Việt Nam (Phật giáo Tiểu thừa) do ông Lê Văn Giảng là một bác sĩ thú y xuất gia với pháp danh Hộ Tông lập nên, lúc đầu ở Nam Bộ, sau phát triển ra đến Thừa Thiên Huế; Lễ kết giới do Chuôn Narth, Đức Vua Sãi Campuchia và 30 vị Tỳ kheo tiến hành đã đặt tên cho ngôi chùa đầu tiên ở Gò Dưa - Thủ Đức là chùa Bửu Quang. Chùa do sự người Kinh trụ trì và chỉ có người Kinh đến lễ. Từ đó hình thành nên Phật giáo Tiểu thừa của người Kinh (cũng gọi là Nam tông Kinh)”¹⁸.

Tại Kiên Giang, Phật giáo Nam tông Kinh chỉ có một cơ sở thờ tự đó là Thiên Trúc Tự. Như phần trên đề cập, đầu thế kỷ XVII Thiên Trúc Tự là ngôi chùa của Phật giáo Nam tông Khmer (Theravada), sau chuyển qua hệ phái Bắc tông (Mahayana), bị bỏ không, hoang phí một thời gian. Từ năm 1960, Đại đức Pháp Kiên được hai vợ chồng cư sĩ Huỳnh Văn Mít, Nguyễn Thị Sảnh trước đó trông nom chùa và trú ngụ tại chùa, thỉnh về giao chùa. Đại đức tổ chức tu niệm, sinh hoạt lễ hội theo truyền thống hệ phái Theravada (Nam tông Kinh). “Hiện nay Thiên Trúc Tự có cả người dân tộc Kinh - Khmer - Hoa, là tu sĩ và cư sĩ đồng tu niệm trong mái chùa; Tu sĩ cư trú tại bôn tự; Cư sĩ đến sinh hoạt, cúng lạy hàng đêm và trong các ngày lễ hội trong năm của chùa”¹⁹.

Phật giáo Bắc tông

Những lưu dân người Việt thế kỷ XVII đến khai phá miền đất Kiên Giang hẳn đã mang theo tôn giáo - Phật giáo, một tôn giáo phổ biến của người Việt. Song diện mạo Phật giáo thời kỳ này ở Kiên Giang hiện vẫn bỏ ngõ. Trong khi đó Phật giáo Kiên Giang ghi nhận việc xây dựng ngôi chùa cổ thuộc về Mạc Cửu, người Trung Hoa, một vị quan trung thành với nhà Minh, sau khi nhà Minh bị nhà Thanh tiêu diệt rời bỏ quê hương đến làm ăn tại Mang Khảm. Năm 1714, Mạc Cửu xin sáp nhập vào xứ Đàng Trong. Chúa Nguyễn Phúc Chu chấp thuận và phong Mạc Cửu chức Tổng binh về sau phong chức Cửu Lộc Hầu. Vùng Mang Khảm được đổi thành trấn Hà Tiên. Để có nơi chôn cho mẹ đẻ tu hành, Mạc Cửu cho xây chùa Tam Bảo sau khi người mẹ quy y với Hòa thượng Ấn Hạ thuộc dòng Lâm Tế đời thứ 35. Hòa thượng Ấn Hạ cũng là vị khai nguyên cho Phật giáo ở Hà Tiên.

Cũng tại Hà Tiên, sau chùa Sắc Tứ Tam Bảo là chùa Phù Dung, tên chùa trước đây là Phù Cừ An Tự, năm khai sơn 1750, hiện chùa tọa lạc tại phường Bình San, thị xã Hà Tiên. Chùa do Tổng trấn Hà Tiên là Mạc Thiên Tích xây dựng cho người vợ thứ là bà Thứ Cơ (thê danh Nguyễn Thị Xuân), hiệu là Từ Thanh Thục Nhon ở tu. Chùa trải qua các kỳ hưng, phế và các hòa thượng, chư tăng kế thế trụ trì. “Năm 1910, Hòa thượng Hoằng Đạo (thê danh Ngô Văn Thiên) thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 39 là đệ tử của Hòa thượng Nhất Thừa được cử đến trụ trì Phù Cừ An Tự. Trong thời gian trụ trì tại đây từ 1910 đến 1939, Hòa thượng Hoằng Đạo đã cho xây dựng lại Phù Cừ An Tự theo dáng vẻ ngày nay và cho đổi tên là chùa Phù Dung”²⁰.

Trên đây là một số ngôi chùa tiêu biểu thuộc hệ phái Nam Tông và Bắc Tông được bài viết đề cập như là sự mở đầu cho việc diễn giải sự đa dạng tôn giáo - nhìn từ Phật giáo. Bởi sự đa dạng tôn giáo - nhìn từ Phật giáo không chỉ đa dạng hệ phái (Nam tông Khmer, Khất sĩ, Bắc tông) mà còn là sự đa dạng trong từng hệ phái. Nam tông có Nam tông Khmer, Nam tông Kinh; Bắc tông có Thiền tông, Tịnh độ tông, Lâm tế chính tông, Phật giáo Cổ Sơn môn,...²¹. Trong quá trình tồn tại, phát triển, Phật giáo Kiên Giang không chỉ là sự “truyền thừa” trong các hệ phái mà còn là “kế thừa” giữa các hệ phái. Bởi có những hệ

phái theo thời gian không có chur tăng kế thế, một số chùa vì vậy phải chuyển qua các hệ phái khác “kế thừa”. Lại có một số chùa, gốc tích được xây dựng bởi một số tổ chức của Tăng già Phật giáo Việt Nam, như: chùa Lục Hòa tăng (Khai sơn 1925, tại xã Mông Thọ A, huyện Châu Thành), chùa Hội Phật học Nam Việt, khai sơn năm 1958 sau đổi thành chùa Đông Hải, thị xã Thạch Đông A, huyện Tân Hiệp). Một số tôn giáo nội sinh như Minh Sư đạo, Tịnh Độ cư sĩ, Tứ Ân Hiếu Nghĩa vì những lý do khác nhau, một số cơ sở thờ tự được chuyển qua cho Phật giáo Bắc tông.

Cuốn Lược sử những ngôi chùa ở Kiên Giang - Bắc tông và Khất sĩ viết về các ngôi chùa của hai tông phái trên thuộc 12 huyện thị, thời điểm 2002 cho thấy sự đa dạng nguồn gốc của 85 ngôi chùa. Tiến hành thống kê cho thấy 85 ngôi chùa mà cuốn sách đề cập thuộc về các hệ phái, các tổ chức Tăng già và sự chuyển đổi từ các cơ sở thờ tự của các tôn giáo khác, như sau:

Bắc Tông: 36 chùa

Khất Sĩ: 14 chùa

Bắc tông gốc Khất sĩ: 02 chùa

Thiền Lâm: 13 chùa²²

Tịnh Độ cư sĩ: 05 chùa

Tịnh Độ tông: 04 chùa

Tứ Ân Hiếu Nghĩa: 02 chùa

Thiền tông: 02 chùa

Phật giáo Cổ Sơn môn: 02 chùa

Lục hòa tăng: 01 chùa

Hội Phật học Việt Nam: 01 chùa

Không rõ hệ phái: 01 chùa

Minh Sư đạo: 01 chùa

Thiền Lâm Bắc tông: 01 chùa

Những số liệu trên, tự nó nói lên tính đa dạng tôn giáo của Phật giáo qua góc nhìn các hệ phái và sự chuyển đổi các cơ sở thờ tự.

Để góp vào việc chứng minh chuyển đổi các cơ sở thờ tự và xây các cơ sở mới, bài viết đưa thêm một số liệu được trích dẫn từ cuốn *Văn kiện Đại hội Phật giáo tỉnh Kiên Giang, khóa VIII, nhiệm kỳ 2012-2017* (tr. 47). Theo thống kê, các cơ sở thờ tự xây mới và các cơ sở thờ tự gia nhập của các năm từ năm 2007 đến năm 2011 như sau:

Năm	Cơ sở thờ tự mới	Cơ sở thờ tự xin gia nhập
2007	02	05
2008	03	06
2009	01	07
2010	02	03
2011	05	05

Trên địa bàn Kiên Giang còn có một bộ phận người Hoa là tín đồ Phật giáo. Phật giáo của người Hoa quen gọi là Hoa tông. Cuốn *Người Hoa ở Kiên Giang* cho biết: “Trong tỉnh Kiên Giang có rất nhiều chùa (của người Hoa). Chỉ riêng ở thị xã Rạch Giá đã có:

- Chùa ông Bắc Đế của người Triều Châu;
- Chùa bà Thiên Hậu của người Quảng Đông;
- Chùa bà Thiên Hậu của người Hải Nam;
- Chùa Ông Bồn (Nhị Phủ miếu) của người Phúc Kiến²³.

Số liệu của Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ Kiên Giang (2017) về Phật giáo như sau:

Tổ chức tôn giáo: 01 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh, 14 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện, 202 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 423.194 người (chiếm 24,89% dân số toàn tỉnh và chiếm 71,63% tín đồ tôn giáo); 494 chức sắc (tỳ kheo), 353 nhà tu hành (14 thức xoa, 339 sa di), 99 tổ chức chức việc, 1.682 chức việc, 9 gia đình Phật tử, 247 đoàn sinh.

Trong đó:

Phật giáo hệ Bắc tông và Khất sĩ: Tổ chức tôn giáo: 126 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 217.254 người (chiếm 12,77% dân số toàn tỉnh và chiếm 36,9% tín đồ các tôn giáo), trong đó nam 64.799, nữ 152.455; Kinh: 178.852, Hoa: 20.592, Khmer: 17.810; chức sắc 237 người (2 hòa thượng, 6 thượng tọa, 122 đại đức; 3 ni trưởng, 9 ni sư,

95 sư cô); nhà tu hành 45 người (Sadi 31, Thức xoa 14); chức việc 34 tổ chức, với 324 người; Gia đình Phật tử 9 đơn vị, 247 đoàn sinh.

Phật giáo hệ Nam tông Khmer và Nam tông Kinh: Tổ chức tôn giáo: 76 cơ sở. Tín đồ 205.945 người (chiếm 12,11% dân số toàn tỉnh và chiếm 34,80% tín đồ các tôn giáo), trong đó: Khmer 205.036, Kinh 804, Hoa 100; Chức sắc 255 người (7 hòa thượng, 15 thượng tọa, 233 đại đức); nhà tu hành 310 người (sadi); chức việc 65 tổ chức, 1.385 người.

2.2. Công giáo ở Kiên Giang

Nếu như Phật giáo, đạo Tin Lành, Cao Đài là những tôn giáo, một mặt, góp vào sự đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang, mặt khác thể hiện sự đa dạng ở chính các tôn giáo với những hệ phái thì Công giáo được tiếp cận như là một thực thể tạo nên sự đa dạng tôn giáo. *Báo cáo Tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn Kiên Giang (2017)* của Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang cho biết: Công giáo trên địa bàn tỉnh: Tổ chức tôn giáo: 04 tổ chức trên cơ sở không phải cấp giáo hội (4 giáo hạt: Tân Hiệp, Tân Thạnh, Rạch Giá, Hà Tiên), 65 tổ chức tôn giáo cơ sở (giáo xứ), 38 tổ chức tôn giáo dưới cơ sở (giáo họ). Tín đồ 115.411 người (chiếm 6,78% dân số toàn tỉnh và chiếm 19,6% tín đồ các tôn giáo), trong đó: nam 55.615, nữ 59.796; Kinh: 114.668, Hoa: 321, Khmer: 422; chức sắc: 222 người; chức việc: 97 tổ chức, với 496 người; 6 loại hội đoàn, 6.144 đoàn viên, hội viên.

Trở lại lịch sử, do vị trí địa lý, Hà Tiên, Kiên Giang, có lẽ là nơi mà bước chân nhà truyền giáo Công giáo có mặt sớm nhất. “Năm 1550, linh mục Gaspar da Cruz đến cửa khẩu Cần Cạo (Hà Tiên ngày nay). Rồi năm 1555, người ta thấy giáo sĩ ấy ở Ma Cao (Trung Quốc). Chúng ta không biết là từ Cần Cạo (Hà Tiên) Linh mục Gaspar da Cruz chỉ đi tới vùng đất thuộc Campuchia ngày nay hay là đi rảo khắp các miền đất Nam Bộ để đi sang Trung Quốc? Trong điều kiện của giao thông lúc bấy giờ, chắc chắn Linh mục Gaspar da Cruz chỉ quanh quẩn quanh vùng Nam Bộ ngày nay”²⁴.

Tài liệu của Trương Bá Cần còn cho biết: “Năm 1588, hai linh mục Đa Minh khác, là Juan Maldonat và Pedro de Bastida, qua cửa Cần Cạo (Hà Tiên) đi Cao Miên, nhưng chỉ mấy tháng sau bị săn đuổi,

giống như hai giáo sĩ trước: Pedro de Bastida bị thương và từ trần tại chỗ, còn Juan Maldinat bị thương, chạy sang Thái Lan²⁵. Theo thời gian, Hà Tiên tiếp tục in dấu chân một số giáo sĩ đến truyền đạo. Để rồi nơi đây hình thành nên những cộng đồng Dân Chúa. “Cha José Garcia đến Hà Tiên lần đầu, đã cùng với giáo dân Hà Tiên dựng nhà thờ mới vào năm 1735. Đến năm 1743, Đức cha Lefèbvre đến ban phép Thêm sức cho 100 người tại Hà Tiên, cho thấy vùng đất Kiên Giang được các Thừa sai đến đây rao giảng Tin Mừng từ rất sớm.

Từ khi cha José Garcia nhận coi sóc họ đạo Chợ Quán và các tỉnh miền Tây, vùng Long Xuyên “chính thức phát triển” từ năm 1735. Năm 1745, cha José làm lại nhà thờ rộng lớn hơn, và mở rộng nhà xứ cho 8 thừa sai ở. Theo cha Lau-nay, năm 1747, các cha dòng Phanxicô phục vụ các tỉnh phía Nam có khoảng 5.500 giáo dân. Theo đề nghị của Đức Khâm Sai Tòa thánh, năm 1749, tỉnh dòng Manila cử 8 linh mục sang Giáo phận Đàng Trong, cha Pedro Medina được phân công chăm sóc giáo hữu tại Hà Tiên. Từ năm 1750-1754, tại Hà Tiên có 5 cha dòng Phanxicô phục vụ. Cha José Garcia qua đời ngày 1/11/1761, ngài là người có công lớn trong việc truyền giáo từ Sài Gòn đến Hà Tiên²⁶.

Vùng đất Kiên Giang còn ghi nhận tại Hòn Đất, Chủng viện thánh Giuse được thành lập. Năm 1769, Chủng viện dời đến Pondichéry (Ấn Độ). Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) sau khi được tấn phong Giám mục tại Ấn Độ ngày 14/3/1774, ngày 14/3/1776 đã trở về Hà Tiên. Khi đó Hà Tiên có khoảng 1.000 giáo dân. Bá Đa Lộc lập thêm họ đạo Pi Nha Lu²⁷.

Đến thời điểm năm 1938, Công giáo ở tỉnh Kiên Giang có 4 giáo xứ (Hà Tiên, Rạch Giá, Đất Hứa và Hòa Hưng) với 18 giáo họ và 5.127 giáo hữu. Theo thời gian khi số lượng tín đồ tăng lên, Công giáo lập thêm các giáo họ, nâng cấp giáo họ lên giáo xứ.

Xứ đạo Hà Tiên được thành lập trên cơ sở cư dân từ miền Bắc vào khai phá rừng rậm hoang vu. Thừa sai Merdrignac bỏ nhiều công sức và tiền của để giúp đỡ cho giáo dân trong những ngày đầu khai phá rừng, xây dựng cuộc sống... có lúc có họ đạo chỉ còn 27 giáo dân, hơn 200 gia đình đã bỏ làng đi nơi khác²⁸.

Họ đạo Rọc Lá (xã Tây Yên, An Biên) buổi đầu chỉ có 4 -5 hộ. Để thu hút người dân tới đây khai khẩn lập họ đạo mới, những năm 1937-1938, Thừa sai Dalle (linh mục chính xứ Rạch Giá) đã đem 200 công đất ở Hòn Đất đổi lấy 1.982 công đất ở vùng này và linh mục phó xứ (Rạch Giá) được giao chia cho người dân đến đây khai phá làm ruộng tạo dựng xóm đạo Rọc Lá²⁹.

Xứ đạo Hòa Điền (Hà Tiên) do Thừa sai Medrignac thành lập năm 1930, trên cơ sở huy động giáo dân từ miền Bắc vào đây khai phá rừng hoang.

Xứ đạo Hòa Hưng (Xẻo Dầu) được thành lập đầu thế kỷ XX, giáo dân được linh mục J. B. Nguyễn Phước Thới, mộ từ Bến Dinh, Cù Lao Giêng về khai phá. Lúc đầu cư dân phải ở dưới ghe, ban ngày lên bờ khai khẩn đất rừng. Sau đó mới lên bờ cất nhà định cư.

Các họ đạo Tràm Chệt (Bàn Tân Định, Giồng Riềng), Ong Dèo (Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao) cũng thành lập trên cơ sở các thừa sai mộ dân là tín đồ Công giáo đến khai khẩn những vùng đất hoang vu vùng đồng bằng bao la Nam Bộ³⁰.

Một ví dụ được dẫn từ giáo xứ Rạch Giá (thành phố Rạch Giá). Cuối thế kỷ XIX, có lẽ từ một số giáo dân đến lập nghiệp ven bờ sông Kiên (còn gọi là Rạch Xáp). Nơi đây lúc đó là rừng rậm hoang vu với bờ biển sinh lầy và dày đặc những rừng Tràm, cây Giá. Sông Kiên chỉ là con rạch nhỏ chảy ngoằn ngoèo từ Long Xuyên qua Núi Sập, qua vùng Tân Hội rồi đổ vào biển Rạch Giá. Phủ kín hai bên bờ là Tràm và cây Giá, nên quen gọi vùng này là Rạch Giá. Năm 1882 có khoảng 10 gia đình giáo dân, dưới sự hướng dẫn của thừa sai Blondet, đã cất một ngôi nhà nguyện. Đến cuối năm 1890, một ngôi nhà bằng gỗ, lợp tôn thay thế ngôi nhà nguyện cũ. Họ đạo được phát triển vào thời thừa sai Emile Dalle (phụ trách họ đạo từ năm 1916 đến năm 1945). Thừa sai bỏ tiền riêng ra mua 3.000 công đất, mua sắm và xây cất: 40 căn nhà phố, 152 lô đất phố, xây cất ngôi thánh đường vững chãi như ngày nay. Thừa sai Dalle là người lập ra các họ đạo Mông Thọ, Đông Hòa, Tràm Chệt, Gò Quao, Tân Hội, Rọc Lá. Giáo xứ Rạch Giá có tất cả 16 họ nhánh: Tràm Chệt,

Gò Quao, Mông Thọ, Tân Hội, Rọc Lá, Rạch Sỏi, Kiên Thành, Sóc Ven, Giồng Riềng, Thổ Sơn, Hòn Tre, Thiên San, Tân Lập. Cho đến năm 1983, có họ đạo nhánh dần dần tách ra thành giáo xứ. Đến năm 1996, xứ Rạch Giá chỉ còn lại họ đạo nhánh là Rọc Lá và Tân Lập³¹. Theo cuốn *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam* (2016), Rọc Lá đã nâng lên thành giáo xứ nhưng với tên gọi mới là Giáo xứ Quý Phụng (Tây Yên A, An Biên).

Đa dạng tôn giáo - Công giáo ở Kiên Giang là quá trình phát triển các giáo xứ giáo họ; là đa dạng cộng đồng tín đồ (Kinh, Khmer, Hoa). Với tín đồ là người Kinh đến Kiên Giang theo nhiều giai đoạn, thời kỳ đầu hoặc là lưu dân, hoặc được được các linh mục chiêu mộ đến khẩn hoang từ đó lập nên giáo họ, giáo xứ. Thời gian 1954-1956, tín đồ di cư từ Bắc vào cư trú chủ yếu ở Tân Hiệp (Dinh điền Cái Sắn). Đó còn là đa dạng về tên gọi giáo xứ, giáo họ. Phần nhiều giáo xứ, giáo họ lấy tên vùng đất tín đồ cư trú, nhưng cũng có những giáo xứ, giáo họ được đặt tên “rất Nam Bộ”, như: giáo xứ Đa Minh Kinh 10, Giáo xứ Đa Minh Kinh 10 A, Giáo xứ Đồng Tâm 3 B, v.v...

2.3. Đạo Tin Lành ở Kiên Giang

Đạo Tin Lành truyền vào Việt Nam đầu thế kỷ XX. Thời điểm xác định đạo Tin Lành truyền giáo có kết quả là năm 1911 tại Đà Nẵng. Cùng thời gian, đạo Tin Lành hiện diện ở Hà Nội. Tại miền Tây Nam Bộ, đạo Tin Lành buổi đầu có cơ sở ở Thành phố Cần Thơ. Có lẽ từ Cần Thơ, đạo Tin Lành phát triển ra các vùng đất khác nhau trong đó có Kiên Giang. Tại Kiên Giang, đạo Tin Lành được thành lập ở Rạch Giá năm 1921. Khi đó có nhà thờ Tân Hiệp, Giồng Riềng, Cù Là, Mông Thọ. Hội thánh tại An Hòa phôi thai trước năm 1960 và chính thức hoạt động năm 1971. Khi đó, chi hội An Hòa nhóm chung với chi nhánh Rạch Giá (Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc, 2006, tr. 443).

Nếu như Công giáo chỉ có 01 tổ chức, thì đạo Tin Lành ở Kiên Giang đến thời điểm 2017 hiện diện 6 hệ phái. *Báo cáo tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn Kiên Giang* của Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang cho biết 6 hệ phái đó là Tin Lành Việt Nam (miền Nam), Tin Lành Báp Tít (Nam Phương), Tin Lành Cơ Đốc Phục Lâm Việt Nam, Tin Lành Liên hữu Cơ Đốc, Tin Lành Phúc Âm Ngũ tuần, Tin Lành

Mennonite Việt Nam. Báo cáo còn đưa ra những số liệu cụ thể về Tin Lành ở Kiên Giang, như: tổ chức tôn giáo: 01 Ban đại diện Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) tỉnh, 13 tổ chức tôn giáo cơ sở (chi hội), 01 tổ chức tôn giáo dưới cơ sở. Tín đồ 6.349 người (chiếm 0,37% dân số toàn tỉnh và chiếm 1.07% tín đồ các tôn giáo); trong đó: nam 2.959, nữ 3.390; Kinh 5.584; Hoa: 203; Khmer: 562; chức sắc 14 người (7 mục sư, 5 mục sư nhiệm chức, 2 truyền đạo); chức việc 13 tổ chức, 113 người.

Hiện diện của đạo Tin Lành ở Kiên Giang với 06 tổ chức không chỉ góp phần vào bức tranh đa dạng hóa tôn giáo của tỉnh mà còn là sự đa dạng hóa tổ chức/hệ phái của chính Tin Lành.

2.4. Đa dạng đạo Cao Đài ở Kiên Giang

Toàn tỉnh có 06 chi phái và 01 pháp môn: Cao Đài Bạch Y - Liên Đoàn Chơn Lý, Giáo hội Trung ương đặt tại tỉnh Kiên Giang; Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cao Đài Chính Đạo, Cao Đài Chơn Lý, Cao Đài Tiên Thiên và Pháp môn Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi.

Tổ chức tôn giáo: 01 hội thánh, 02 Ban đại diện, 44 tổ chức tôn giáo cơ sở, 02 tổ chức tôn giáo dưới cơ sở.

Tín đồ 26.935 người (chiếm 1,58% dân số toàn tỉnh và 4,55% tín đồ các tôn giáo). Trong đó, nam 11.444, nữ 15.491; Kinh: 26.866, Hoa: 15, Khmer 54; Chức sắc 483 người (gồm 02 chánh phối sư, 06 phối sư, 03 tứ bửu, 30 giáo sư, 02 lục đàn, 95 giáo hữu, 345 lễ sanh); chức việc 851 người³².

Đạo Cao Đài là tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ. Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ khai đạo gắn liền với tên tuổi Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu (về sau đổi là Ngô Minh Chiêu). Năm 1919 Ngô Văn Chiêu được bổ nhiệm là Quận trưởng hành chính Phú Quốc. Ở nơi hải đảo xa xôi, ông thường tổ chức các đàn cơ Cầu Tiên, trong số những Đấng mà ông tiếp xúc có một đấng tự xưng là “Cao Đài”. Cũng tại Phú Quốc, Ngô Minh Chiêu hai lần bắt gặp Thiên Nhân. Sau đó, Tiên ông “dạy vẽ Thiên Nhân y như ngài đã thấy mà thờ và xưng tên là: CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT³³. Như vậy, Phú Quốc, Kiên Giang được xem là nơi khai đạo Cao Đài. Để rồi ngày 18 tháng 11 năm 1926, tại Từ

Lâm Tự (còn gọi là chùa Gò Kén) ấp Long Trung, xã Long Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đạo Cao Đài chính thức được thành lập. Ra đời được khoảng 10 năm do những nguyên nhân khác nhau, đạo Cao Đài bắt đầu phân rẽ về tổ chức, có lúc lên đến 30 hệ phái, trong đó có khoảng 10 hệ phái hoạt động theo đúng chân truyền của đạo Cao Đài và tồn tại đến nay. Hiện nay Cao Đài có 10 Hội thánh, 01 pháp môn tu hành và 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập được công nhận tổ chức tôn giáo, 2,6 triệu tín đồ, 3 vạn chức việc, 1 vạn chức sắc, hơn 1 ngàn cơ sở thờ tự, có phạm vi hoạt động ở 38 tỉnh, thành phố, chủ yếu ở Nam Bộ.

Quá trình phân rẽ hoặc là một chia tách khỏi Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh hoặc do một hoặc một vài người đứng đầu lập ra hội thánh mới. Trên địa bàn Kiên Giang cùng với sự kiện “mở đạo” của ông Ngô Văn Chiêu, lịch sử đạo Cao Đài còn cho biết, giữa năm 1931, tại Rạch Giá, ông Nguyễn Văn Ca (Thượng Ca Thanh) tổ chức lễ đặt tên nhóm Cao Đài của mình là Cao Đài Minh Lý hội với ý nghĩa làm sáng tỏ chân lý đạo Cao Đài. Một năm sau, ông đổi tên thành Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Lý và chuyển về xây dựng Tòa thánh ở Mỹ Tho.

Tại Rạch Giá, năm 1936, các ông Tô Bửu Tài, Trương Minh Tông sáng lập ra Cao Đài Bạch Y Liên đoàn Chơn Lý. Hệ phái có tổ đình ở Rạch Giá, hoạt động chủ yếu ở Rạch Giá, tồn tại cho đến hiện nay.

Cao Đài Bạch Y cơ bản hoạt động theo quy định của đạo Cao Đài và hành đạo theo Kinh Luật Ngọc Đế chân truyền Tân ước tri nguyên. Về tổ chức giáo hội, Cao Đài Bạch Y có chức sắc Hiệp Thiên đài được tổ chức giống như Cao Đài Chơn Lý. Hiện Cao Đài Bạch Y có khoảng 5.000 tín đồ, 14 thánh thất, phạm vi hoạt động ở 4 tỉnh, thành phố.

Đạo Cao Đài ngoài các hệ phái còn là các pháp tu như Pháp tu Chiếu Minh Tam Thanh Vô vi. Pháp tu này có 01 cơ sở ở Kiên Giang. Lịch sử pháp tu cho biết ông Ngô Minh Chiêu sau khi có công lớn, sáng lập nên Đạo đã không ở lại nhận chức vụ Giáo tông mà tách riêng ra về Cần Thơ lập phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi thực hiện tu tập theo pháp môn “vô vi”, không phổ độ, không thành lập tổ chức giáo hội. Pháp tu Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi được xem như cơ bản tồn bí pháp của Đức Cao Đài.

Dưới đây là hiện trạng từng chi phái Cao Đài ở Kiên Giang:

Cao Đài Tây Ninh: Tổ chức tôn giáo: 01 ban đại diện, 14 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 16.413 người (chiếm 0,96 % dân số toàn tỉnh và 2,78% tín đồ các tôn giáo), trong đó: nam 6.997, nữ 9416; kinh 16.379, Khmer 28; Hoa 06, chức sắc 51 người (01 giáo sư, 06 giáo hữu, 44 lễ sanh); chức việc 555 người.

Cao Đài Minh Chơn Đạo: Tổ chức tôn giáo: 01 ban đại diện, 11 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 5.716 người (chiếm 0,33% dân số toàn tỉnh và 0,97% tín đồ các tôn giáo), trong đó: Nam 2.306, nữ 3.410; Kinh 5.697; Hoa 08; Khmer 11; Chức sắc 108 người (01 chánh phối sư, 03 giáo sư, 27 giáo hữu, 77 lễ sanh); chức việc 97 người.

Cao Đài Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý: Tổ chức tôn giáo: 01 hội thánh, 13 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 3.745 người (chiếm 0,22% dân số toàn tỉnh và 0,63% tín đồ các tôn giáo) trong đó: Nam 1.732, nữ 1.977; Kinh 3.729; Khmer 15, Hoa 01; Chức sắc 158 người (01 chánh phối sư, 02 phối sư, 03 tứ bửu, 09 giáo sư, 02 lục đoàn, 32 giáo hữu, 109 lễ sanh); chức việc 148 người.

Cao Đài Ban Chính Đạo: Tổ chức tôn giáo: 02 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 450 người (chiếm 0,02% dân số toàn tỉnh và 0,07 % tín đồ các tôn giáo) là dân tộc Kinh, nam 187, nữ 263, chức sắc 38 người (02 giáo hữu, 36 lễ sanh); chức việc 05 người.

Cao Đài Tiên Thiên: Tổ chức tôn giáo: 02 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 328 người (chiếm 0,01% dân số toàn tỉnh và 0,05 % tín đồ các tôn giáo) là dân tộc Kinh, nam 109, nữ 219; chức sắc 02 lễ sanh; chức việc 12 người.

Cao Đài Chơn Lý: Tổ chức tôn giáo: 02 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 273 người (chiếm 0,01 % dân số toàn tỉnh và 0,04 % tín đồ các tôn giáo) là dân tộc Kinh, nam 74, nữ 199, chức sắc 126 (04 phối sư, 17 giáo sư, 28 giáo hữu, 77 lễ sanh; chức việc 31 người).

Pháp môn Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô vi: Tổ chức tôn giáo: 01 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ: 10 người là dân tộc Kinh, nam 03, nữ 07, chức việc 03 người⁽³⁴⁾.

2.5. Phật giáo Hòa Hảo

Là một trong những tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ. Phật giáo Hòa Hảo ra đời năm 1939 tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, Châu Đốc, nay là Thị trấn Phú Mỹ, xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Do vị trí địa lý giáp với An Giang nên tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ở Kiên Giang có mối quan hệ thường xuyên và trực tiếp với tổ đình Phật giáo Hòa Hảo (An Giang). Các huyện, thị, thành phố ở Kiên Giang đều có tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Tập trung nhất là huyện Hòn Đất, ít nhất là Vĩnh Thuận³⁵.

Số liệu Phật giáo Hòa Hảo ở Kiên Giang đến thời điểm 2017: Tổ chức tôn giáo: 01 ban đại diện tỉnh, 37 tổ chức tôn giáo cơ sở (Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo xã, phường, thị trấn). Tín đồ: 7.675 người (chiếm 0,45% dân số toàn tỉnh và 1,30% tín đồ các tôn giáo) trong đó: nam 3.583, nữ 4.092; Kinh: 7.642, Khmer: 33; chức việc 243 người.

2.6. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon³⁶

Tà Lon (Bokor) là nơi khởi nguồn Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon. Tà Lon là ngọn núi bắt đầu từ Túc mía, tỉnh Campuchia chạy dài đến giáp biên giới Thái Lan. Nơi đây, một số “ông đạo” người Việt sau một thời gian “tâm sư học đạo”, “xuống núi” truyền đạo, trị bệnh cứu người. Các ông đạo có vai trò trong việc khai sáng Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon là: Đạo Lập - Ngọc Thanh - Ngọc Minh - Ngọc Đắc - Ngọc An. Ông Nguyễn Ngọc An đến vùng Tà Lon học đạo, quy y với cụ Cừ Đa (Nguyễn Thành Đa hiệu là Ngọc Thanh). Năm 1915, đạo được thành lập ở Tà Lon. Cùng năm qua đợt thi tuyển hiền tài tín ngưỡng đức độ để xuống núi truyền đạo, dựng chùa, Nguyễn Ngọc An đắc đạo và được đứng vào ngôi vị tổ đình Kim Quang Thành Tà Lon, được cử về Việt Nam xây dựng “Bát bửu ngũ linh tự”. Nguyễn Ngọc An về Tân Hội (Tân Hiệp, Kiên Giang) khai đạo tại Việt Nam vào năm 1921. Chùa An Bình (Kiên Lương, Kiên Giang) xây dựng năm 1927, được xem là tổ đình của đạo.

Khi kênh Xáng Tân Hội - Rạch Giá - Hà Tiên - Miệt Thứ - Cần Thơ hoàn thành, hình thành các điểm dân cư hai bờ kênh, ông Nguyễn

Ngọc An theo đó truyền đạo, lập được 5 chùa và 3 am gọi là “Bát bửu và ngũ linh tự”. Tại Kiên Giang có 3 chùa và 1 am, tồn tại cho đến ngày nay. Năm 1921 trên kênh Xáng Tân Hội, ông Nguyễn Ngọc An dựng một ngôi chùa đặt tên là Tiên An. An Bình Tự là ngôi chùa thứ hai và là trung tâm tổ đình của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn. Nam An Tự là ngôi chùa thứ tư của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, nhưng là ngôi chùa thứ ba trên đất Kiên Giang. Chùa Nam An tọa lạc tại ấp Tám Xáng 1, xã Đông Hòa, huyện An Minh.

Trong số 3 am và 01 cốc đường do ông Nguyễn Ngọc An tạo lập, ở Kiên Giang có am Kim Quang, tọa lạc tại Thứ Chín Biểu, huyện An Minh.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn được công nhận tư cách pháp nhân tháng 11/2016.

Hiện tại, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn có 4.750 tín đồ (chiếm 0,27% dân số toàn tỉnh và 0,80% tín đồ các tôn giáo là dân tộc Kinh, nam: 2.725, nữ: 2.025).

2.7. Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Bửu Sơn Kỳ Hương, Phật giáo Hòa Hảo, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, Tứ Ân Hiếu Nghĩa là những tôn giáo thuộc dòng “tôn giáo nội sinh”. Tứ Ân Hiếu Nghĩa khai đạo năm 1867. Người sáng lập là Đức Bồn Sư (tên thật là Ngô Viện, cũng có khi gọi là Ngô Tư Lợi hoặc Năm Thiếp). Quá trình hành đạo của Đức Bồn Sư là quá trình chiêu mộ tín đồ, lập thôn ấp, tổ chức cuộc sống cho cộng đồng những người khai hoang. Đức Bồn Sư tự nhận Tứ Ân Hiếu Nghĩa là sự nối tiếp Bửu Sơn Kỳ Hương.

Tại Kiên Giang có một cơ sở thờ tự của Tứ Ân Hiếu Nghĩa nhưng vốn trước là cơ sở của Bửu Sơn Kỳ Hương. Cơ sở ở ấp Tân Hòa B, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp. Cơ sở thờ tự vẫn còn 3 chữ Hán đắp nổi: Bửu Sơn Tự. Về sau, do chuyển theo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Tự chuyển thành cơ sở thờ tự của Tứ Ân Hiếu Nghĩa³⁷.

Cơ sở thờ tự của đạo là hệ thống các chùa, đình, miếu, tam bửu gia và bàn thờ tại gia đình. Chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa khác với chùa Phật giáo, đó không phải là nơi tu hành của những người cất ái ly gia mà là

nơi thờ cúng và thực hiện các nghi lễ của đạo... Chùa còn là nơi để chữa bệnh cho tín đồ và để tín đồ thể hiện mối quan hệ với thân bằng của mình. Tại các làng Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn có các đình, miếu là nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo của tín đồ và là một bộ phận trong hoạt động tôn giáo do các trưởng gánh trực tiếp phụ trách. Tam Bửu gia là phủ thờ của gánh đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tam Bửu gia thuộc hệ thống cơ sở thờ tự của đạo, tuy nhiên lại là nơi thờ riêng của dòng họ trưởng gánh và được xây dựng trên mảnh đất của dòng họ.

Khảo sát tại cơ sở thờ tự của Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở ấp Tân Hòa B, xã Tân Hòa, huyện Tân Hiệp được biết trong cơ sở thờ tự có các lòng phai màu vàng, hoa văn và chữ màu đỏ, ngoài chính điện với trần dầm/trần điều có ảnh thờ Nguyễn Trung Trực còn là những gian thờ THẦN (có lẽ là Thành hoàng bốn cảnh), thờ Cửu Phẩm Liên Hoa, Quan Âm Tống Tử, Quan đế, thổ thần, cửu huyền thất tổ, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tiên hiền, Hậu hiền, Tam giáo cửu lâu, Bàn thờ Thiên (thờ trời). Đặc biệt, phía trước chùa là đền thờ Nguyễn Trung Trực - vị anh hùng dân tộc hy sinh anh dũng cho nghĩa cử cứu nước, cứu dân, gắn với Bửu Sơn Kỳ Hương, với Phật giáo Hòa Hảo, và được tôn làm quan Thượng đẳng Đại thần.

Hiện tại ở Kiên Giang, Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 04 tổ chức tôn giáo cơ sở. Tín đồ 933 người.

2.8. Tịnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam

Tịnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam ra đời trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ. Người sáng lập đạo là ông Nguyễn Văn Bông. Đạo chính thức khai mở vào năm 1934, mượn Hưng Long Tự làm hội quán, tại đường Minh Mạng, Chợ Lớn, Sài Gòn. Năm 1934, ông Nguyễn Văn Bông được tín đồ suy tôn là Đức Tông Sư Minh Trí; Tịnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam lấy việc thờ Phật, tôn thờ Phật là chính, ngoài ra còn thờ Thánh, Tiên. Việc tôn trí các đối tượng thờ cúng nơi chính điện: Quán Thế Âm Bồ Tát, Tổ Sư Đạt Ma, Giáo chủ Tông Sư Minh Trí, Già Lam Chơn Tế Phật (Quan Công). Ngoài ra, một số điện còn thờ Thánh, Tiên, thờ Hộ Pháp với nghĩa là thần canh giữ, bảo vệ điện thờ.

Tỉnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam ở Kiên Giang có 01 Ban Trị sự Tỉnh hội. Tín đồ 4.453 người, trong đó: Nam 1.605, nữ 2.848; Kinh: 4.324, Khmer: 43, Hoa: 86, chức sắc 17 người (17 y sĩ); chức việc 168 người.

2.9. Minh Sư đạo

Giáo hội Phật Đường Nam Tông Minh Sư Đạo, gọi là Đạo Minh Sư/Minh Sư đạo, xuất phát từ Trung Quốc, truyền vào Việt Nam khoảng đời vua Tự Đức. Công đầu thuộc về Trương Lão Đông Sơ. Trương Lão lập trại Cầu Kho (Chợ Lớn) một Phật đường gọi là “Chiếu Minh Phật đường”. Nhân chuyến đi qua Hà Tiên năm Quý Hợi (1863) Trương Lão lập ở Hà Tiên ngôi Phật đường lấy tên là Quảng Tế Phật đường. Phật đường còn tồn tại đến ngày nay (tọa lạc tại phường Bình San, thị xã Hà Tiên).

Minh Sư là một trong 5 chi “Ngũ chi Minh đạo” là Minh Sư, Minh Lý, Minh Đường, Minh Thiện, Minh Tân. Trước năm 1975, Minh Sư đạo phát triển được trên 50 Phật đường, gồm 3 tông phái: Đức Tế, Phổ Tế, Hoàng Tế. Hiện 3 tông phái thống nhất thành 1 giáo hội với tên gọi: *Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo*.

Điện thờ của mỗi Phật đường thể hiện Tam giáo, ngoài ra còn thờ Cửu huyền thất tổ, vong linh bá tính: Nổi trội vẫn là Phật giáo.

Minh Sư đạo ở Kiên Giang có 01 tổ chức tôn giáo cơ sở (Quảng Tế Phật đường), tín đồ 40 người (nam 8, nữ 32); chức sắc 03 người (01 lão sư, 01 bảo ân, 01 dẫn ân); chức việc 01 tổ chức, 07 người.

2.10. Baha'i

Sự kiện dẫn đến Baha'i hiện diện ở Việt Nam là sự xuất hiện của bà Shirin Fozdar, người Ấn Độ, tình nguyện đến Sài Gòn truyền đạo vào ngày 18/02/1954. Bà Shirin Fozdar vì vậy được xem là “Hạt giống Baha'i gieo vào mảnh đất Việt Nam”. Thời kỳ từ năm 1962 đến 1975, đạo phát triển ra nhiều vùng ở miền Nam, trong đó có Rạch Giá.

Baha'i ở Kiên Giang có 01 tổ chức tôn giáo cơ sở (Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i xã, phường), tín đồ 597 người; chức việc 09 người.

2.11. Hồi giáo (Islam giáo)

Tiếp giáp với An Giang - nơi có cộng đồng Hồi giáo của người Chăm ở Châu Đốc, Kiên Giang có 419 tín đồ Hồi giáo.

Ngoài ra, ở Kiên Giang còn có một số hiện tượng tôn giáo mới, như: Thanh Hải Vô Thượng Sư, Hội Thánh Đức Chúa Trời Mẹ,...

3. Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang - Những đặc điểm

Vào thời điểm năm 2017, ở Việt Nam có 15 tôn giáo và 41 tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân thì Kiên Giang có 11 tôn giáo và 21/41 tổ chức tôn giáo. Vì vậy, có thể xem Kiên Giang là một trong những tỉnh tiêu biểu về đa dạng tôn giáo trong lịch sử cũng như hiện tại.

Từ những nghiên cứu được đề cập ở phần trên có thể rút ra một số đặc điểm về đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang.

3.1. Kiên Giang là nơi mở đạo của một số tôn giáo và thành đạo của một số nhân vật sáng lập đạo

Trước hết là hệ phái Khất Sĩ mà người mà người sáng lập là Tổ sư Minh Đăng Quang. “Thập niên 1944-1954, đạo Phật Khất sĩ Việt Nam có sự liên hệ mật thiết với vùng Mũi Nai, Hà Tiên. Tổ Sư Minh Đăng Quang với Tứ y pháp, hoằng đạo ở vùng đồng bằng Tây Nam Bộ. Thời gian đầu, Ngài ở Thất Sơn, sau qua đất Hà Tiên... Ngài ra gành bãi biển Mũi Nai ngồi tham thiền 7 ngày 7 đêm quán xét nhân duyên. Trước cảnh sóng nước bao la, thuyền bè nhấp nhô, bọt nước tụ tán... Ngài ngộ nhập lý khổ, không, vô ngã, vô sinh. Đất Kiên Giang thân thương từ đó đón chào một nguồn sáng mới, ánh sáng từ ngọn đèn chân lý Tổ sư”³⁸.

Như vậy, Hà Tiên, Kiên Giang là nơi Tổ Sư Minh Đăng Quang thành đạo để rồi sau đó Tổ sư “hóa phổ đạo màu”.

Tại Phú Quốc, quan đốc phủ Ngô Văn Chiêu hai lần chứng thị Thiên Nhân được Tiên Ông giảng cơ dạy vẽ Thiên Nhân như Ngài đã thấy mà thờ và xưng tên là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Đó là cơ duyên đầu tiên khai mở đạo Cao Đài.

Kiên Giang là nơi xuất hiện những ngôi chùa Nam tông Khmer cổ, đó là chùa Phật Lớn, pháp danh Ut Đôn Men Chi, xây dựng từ năm 1504; Thiên Trúc Tự (Phật Lớn) có thể trước năm 1616... Chùa cổ Bắc tông ra đời với cuộc khai phá đất Hà Tiên của Mạc Cửu, đó là chùa Tam Bảo (hay Sắc tứ Tam Bảo) thành lập năm 1730, hiện tọa lạc tại phường Bình San, thị xã Hà Tiên.

Hà Tiên, Kiên Giang với sự xuất hiện của linh mục Gaspar da Cruz năm 1550 ở cửa Cầu Cạo có lẽ là nhà truyền giáo được ghi rõ tên tuổi xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam. Để rồi từ đây hình thành nên cộng đồng Dân Chúa sớm nhất. Cũng tại Kiên Giang, Chủng viện Hòn Đất là chủng viện đầu tiên của Công giáo không chỉ của Việt Nam mà của một số nước Đông Nam Á.

Với việc ông Nguyễn Ngọc An đắc đạo tại Tà Lơn, xuống núi trở về Việt Nam truyền đạo, buổi đầu ở Tân Hội (Tân Hiệp) cho thấy Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn được khai đạo tại Kiên Giang.

Quảng Tế Phật đường - cơ sở thờ tự của Minh Sư đạo do Trương Lão Đông sơ lập ở Hà Tiên 1863 (phường Bình San ngày nay) là niên điểm đánh dấu sự hiện diện sớm nhất của tôn giáo này.

Là vùng đất mà ở đó nhiều tôn giáo khai mở, hoặc là nơi thành đạo của vị sáng lập, hay là nơi có các giáo sĩ ngoại quốc đầu tiên đặt chân đến... đã không chỉ là một đặc điểm mà còn là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang.

3.2. Đa dạng các tôn giáo và đa dạng các hệ phái trong từng tôn giáo

Với sự hiện diện 11/15 tôn giáo, 21/41 tổ chức tôn giáo cho thấy Kiên Giang là địa bàn đa dạng các tôn giáo. Song đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang còn là sự đa dạng hệ phái trong mỗi tôn giáo. Phật giáo có Bắc Tông, Nam Tông, Khất sĩ. Bắc Tông có Thiên tông, Tịnh Độ tông, Lâm Tế chính tông, Thiên Lâm. Nam tông có Nam tông Khmer, Nam tông Kinh. Cao Đài 6 hệ phái và một pháp tu. Đạo Tin Lành có 06 hệ phái.

3.3. Dung thông các tôn giáo, tôn giáo với tín ngưỡng, tôn giáo với văn hóa tộc người

Dung thông giữa các tôn giáo thể hiện rõ nhất là “dòng tôn giáo bản địa”, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu

Nghĩa Tà Lon, Phật giáo Hòa Hảo, tuy có những biểu hiện khác nhau về nghi lễ, song chủ đạo vẫn là Phật giáo. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon nét chủ đạo là Phật giáo nhưng còn là yếu tố Tam giáo.

Sự hỗn dung hay dung thông các tôn giáo thể hiện rõ nét ở đạo Cao Đài, dù yếu tố chính là Tam giáo, trong đó Đạo giáo có phần nổi trội.

Dung thông tôn giáo với tín ngưỡng là một trong những nét nổi bật đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang. Các tôn giáo như Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon, Phật giáo Hòa Hảo, v.v... ngoài đối tượng thờ chính còn phối thờ Cửu huyền thất tổ, Tiên hiền, Hậu hiền, Bà Chúa Xứ, Phật Bà Quan Âm, Ông Tà (Naak Tà), Thổ Thần, Thiên (thờ Trời).

Với Phật giáo Hòa Hảo, Nguyễn Trung Trực là quan Thượng đẳng Đại Thần. “Toàn thể tín đồ Phật giáo Hòa Hảo tin tưởng thời này là thời của quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực, nên khi gặp khó khăn luôn cầu xin sự gia hộ của Ngài”³⁹.

Tài liệu khảo sát cá nhân tại cơ sở thờ tự Tứ Ân Hiếu Nghĩa thôn Tân Hòa B, xã Tân Hòa, huyện Tân Hội cho thấy phía trước cơ sở thờ tự của đạo là đền thờ Nguyễn Trung Trực. Người dân ở đây cho biết các ngày (26, 27, 28 tháng Tám Âm lịch) kỷ niệm ngày hy sinh của ông, tín đồ ngoài nghi lễ dâng hương ở cơ sở thờ tự trên còn tập trung về Thành phố Rạch Giá nơi có đền thờ ông để tham dự và thọ chay.

Sự đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang thể hiện trong đời sống tôn giáo còn là dung thông sinh hoạt tôn giáo với văn hóa tộc người. Nhiều nghi lễ tôn giáo của Phật giáo, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, cả Công giáo sử dụng các làn điệu dân ca, dân vũ của các tộc người. Một số làn điệu vọng cổ, cải lương được biến tấu sử dụng trong nghi lễ Cao Đài, nghi lễ Phật giáo. Với Phật giáo Nam Tông Khmer là các lễ Chol Chnam thmay (chúc mừng năm mới), Ok Om Bok (lễ cúng Trăng), v.v...

Kết luận

Do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, văn hóa, tín ngưỡng, tộc người, Kiên Giang trở thành “linh địa” khai mở một số tôn giáo, góp một phần hết sức quan trọng tạo nên “Dòng tôn giáo nội sinh”. Tại “linh địa” này còn là nơi ngộ đạo hay đắc đạo của một số nhân vật để rồi sau đó sáng lập ra các tôn giáo mới như Ngô Văn Chiêu với đạo Cao

Đài, Minh Đăng Quang với hệ phái Phật giáo Khất Sĩ, Nguyễn Ngọc An với Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon. Kiên Giang - nơi cực Nam của Tổ quốc, là nơi một số giáo sĩ Công giáo đặt chân sớm nhất trong tiến trình truyền đạo Công giáo ở Việt Nam.

Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang trong bối cảnh đa dạng tôn giáo Nam Bộ nói chung và miền Tây Nam Bộ nói riêng bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, nhưng “nở rộ” vào nửa đầu thế kỷ XX.

Đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang khác với đa dạng tôn giáo thời hiện tại với sự tác động của toàn cầu hóa, của thời kỳ hậu công nghiệp, là sự phân ly, là đề cao vai trò cá nhân, chủ nghĩa cá nhân làm giảm tính cộng đồng, làm biến thể một số loại hình tôn giáo, đặc biệt là đậm tính thế tục, giải thiêng,... Ngược lại, đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang là sự cố kết cá nhân thành những cộng đồng tôn giáo nhóm nhỏ, là góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa tộc người. Về tôn giáo là sự dung thông các tôn giáo, các tôn giáo với tín ngưỡng tộc người; làm đậm tính thiêng của các đối tượng thờ cúng.

Đa dạng tôn giáo đáp ứng nhu cầu tâm linh của một địa bàn mới được khai phá, một địa bàn đa phức về tộc người, về văn hóa, một địa bàn mà các tôn giáo truyền thống (Nho, Phật, Đạo) không đủ hấp lực.

Trong tình hình mới của đất nước với vị thế địa lý, văn hóa, tộc người, đa dạng tôn giáo ở Kiên Giang sẽ tiếp tục có những biến đổi làm phong phú, sinh động hơn đa dạng tôn giáo ở vùng “linh địa”. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang, Ban Tôn giáo, *Báo cáo Tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn Kiên Giang*, năm 2017.
- 2 Toàn tỉnh Kiên Giang có 15 huyện thị, thành phố (trong đó có 02 huyện đảo: Phú Quốc và Kiên Hải); 01 thành phố, 01 thị xã. Tổng dân số trên 1,7 triệu người. có 03 dân tộc chính: Kinh chiếm 85,5%, Khmer chiếm 12%, Hoa chiếm 1,77% và dân tộc khác chiếm 0, 07% (Xem; Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo tỉnh Kiên Giang, khóa VIII nhiệm kỳ 2012 – 2017*, tr. 23).
- 3 Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc (2006), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông, tr. 58, 59.
- 4 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang, *Nguyễn Trung Trực người anh hùng bất tử đất Nam Bộ*, Kiên Giang, tháng 12 năm 2009, tr. 5.
- 5 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang, *Nguyễn Trung Trực người anh hùng bất tử đất Nam Bộ*, Sđd, tr. 6.

- 6 Đó là Đại đức: Lâm Hùng, Danh Hoi, Danh Hom, Danh Táp. Ngày 10/6/1964, hai trăm sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer xuống đường đấu tranh chống Mỹ-ngụy. Kẻ địch đã thẳng tay đàn áp cuộc biểu tình, bắn vào đoàn người làm 4 Đại đức trên hy sinh và bị thương 16 người khác. Nhân dân xây tháp thờ 04 vị sư liệt sĩ ở chùa Cù Là, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành (còn gọi là Tháp bốn sư liệt sĩ). Di tích được xếp hạng di tích Quốc gia ngày 28/9/1990 số 993/QĐ-BVHTT.
- 7 Cá Voi được thờ dưới hình thức bộ xương được đưa vào năm 1992.
- 8 Xem: Nguyễn Thanh Lợi (2018), “Tục thờ bà Thủy Long ở Kiên Giang”, Nguyệt san *Công giáo và dân tộc*, số 279, tháng 3, tr. 140-144.
- 9 Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc, *Tôn giáo, tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Sdd, tr. 159.
- 10 Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang, Ban Tôn giáo, *Báo cáo Tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn Kiên Giang*, Sdd.
- 11 Hiện tại trong Phật giáo và giới nghiên cứu Phật học chủ trương thay vì gọi Bắc tông là Bắc truyền. Bởi theo Phật sử không có tông phái Bắc tông. Bắc truyền được hiểu là Phật giáo được truyền từ phía Bắc (Trung Quốc) vào Việt Nam. Tuy nhiên theo thói quen, nhiều văn bản của Nhà nước cũng như Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn quen sử dụng khái niệm Bắc tông.
- 12 Hoa tông chỉ là cách gọi để chỉ Phật giáo của một bộ phận người Hoa với cơ sở thờ tự riêng.
- 13 Nguyễn Văn Sáu (2007), *Bước đầu tìm hiểu Phật giáo Nam tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.6.
- 14 Nguyễn Văn Sáu (2007), *Bước đầu tìm hiểu Phật giáo Nam tông Việt Nam*, Sdd, tr. 6.
- 15 Viết về chùa Phật Lớn, chúng tôi dựa vào tài liệu “Lịch sử chùa Phật Lớn” bản đánh vi tính, tháng 4 năm 1995, tài liệu khai thác ở địa phương.
- 16 Viết về Thiên Trúc tự, chúng tôi dựa vào tài liệu: *Dibba Velu – Arama Thiên Trúc tự (chùa Phật Lớn)*, bản vi tính do ông Thái Đông Thắng, Thành phố Rạch Giá biên soạn.
- 17 Theo tác giả Nguyễn Văn Sáu trong *Bước đầu tìm hiểu Phật giáo Nam tông Việt Nam* thì “Những ngôi chùa Nam tông Khmer ở miền Nam Việt Nam có niên đại nhiều thế kỷ qua và tồn tại đến hôm nay. Cụ thể là chùa Samrông Ek ở Trà Vinh xây dựng vào năm 1642 (Phật lịch 1185), chùa Sanghamangala xây dựng hơn 600 năm”, Sdd, tr. 9.
- 18 Trần Khánh Dư (2001), *Phật giáo Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long – Kiến nghị và giải pháp*, Hà Nội, tr. 10.
- 19 *Dibba Velu - Arama Thiên Trúc tự* (chùa Phật Lớn), tldd.
- 20 Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Tỉnh hội Phật giáo Kiên Giang, *Lược sử những ngôi chùa ở Kiên Giang Bắc Tông và Khất Sĩ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 91-93.
- 21 Phật giáo Cổ Sơn môn là một loại hình Phật giáo đặc thù của Phật giáo Việt Nam. Trụ trì chùa xây dựng gia đình và cư trú luôn trong chùa. Tháng 11/1981, Phật giáo Cổ Sơn Môn là một trong 9 hệ phái tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
- 22 Cuốn sách có ghi hệ phái Thiên Lâm và hệ phái Thiên Tông không rõ phân loại theo tiêu chí nào.

- 23 Đoàn Nô (Phật Quang) (2005), *Người Hoa ở Kiên Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 25.
- 24 Trương Bá Cần (chủ biên, 2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1: Thời kỳ khai phá và hình thành (từ khởi thủy cho đến cuối thế kỷ XVIII), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 26.
- 25 Trương Bá Cần (chủ biên, 2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr. 27.
- 26 Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Niên giám 2016, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 942.
- 27 Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Sđd, tr. 943.
- 28 *Giáo xứ Rạch Giá*. Tài liệu chép tay, Linh mục chính xứ Nguyễn Văn Việt cung cấp.
- 29 *Giáo xứ Rạch Giá*, tldd.
- 30 *Giáo xứ Rạch Giá*, tldd.
- 31 *Giáo xứ Rạch Giá*, tldd.
- 32 Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang, *Báo cáo tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (2017)*
- 33 Cao Đài Đại Đạo Chiếu Minh Tam thanh Vô Vi, *Tiểu sử hành đạo của giáo chủ Ngô Minh Chiếu*. Ấn bản 2011. Bản vi tính.
- 34 Số liệu chi tiết các hệ phái và pháp môn Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ở Kiên Giang dẫn theo *Báo cáo Tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn Kiên Giang (2017)*.
- 35 Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc, *Tôn giáo, Tin ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Sđd, tr. 421, 422.
- 36 Viết về lịch sử Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, chúng tôi dựa vào luận văn thạc sĩ Triết học: *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long* của Nguyễn Xuân Hậu, Hà Nội, 2011.
- 37 Tài liệu điền dã cá nhân tháng 6/2018.
- 38 Giáo hội Phật giáo tỉnh Kiên Giang, *Kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam 07/11/1981 – 07/11/2016* (lưu hành nội bộ), tr. 68-69.
- 39 Dã Hạc (2017), “Nguyễn Trung Trực quan Thượng Đẳng Đại Thần trong Phật giáo Hòa Hảo”, *Công giáo và dân tộc*, số 275 tháng 11, tr. 143.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ Kiên Giang (2017), *Báo cáo Tổng hợp thực trạng tôn giáo trên địa bàn Kiên Giang*.
2. Trương Bá Cần (Chủ biên, 2008), *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc (2006), *Tôn giáo, tin ngưỡng của cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông.
4. Trương Minh Đạt (2007), *Nghiên cứu Hà Tiên - Họ Mạc với Hà Tiên*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tỉnh hội Phật giáo Kiên Giang, *Lịch sử những ngôi chùa ở Kiên Giang - Bắc tông và Khất sĩ*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2002.

6. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Kiên Giang, khóa VIII - Nhiệm kỳ 2012-2017*, lưu hành nội bộ.
7. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kiên Giang, *Kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam 07/11/1981 - 07/11/2016*, lưu hành nội bộ.
8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kiên Giang, *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Kiên Giang lần thứ IX (nhiệm kỳ 2017-2022)*, lưu hành nội bộ.
9. Nguyễn Xuân Hậu (2011), *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long*, luận văn Thạc sĩ Triết học, Hà Nội.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Giáo hội Công giáo Việt Nam Niên giám 2016*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Trần Hữu Hợp (2012), *Cộng đồng người Việt Công giáo Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Đỗ Quang Hưng (chủ biên, 2001), *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Sáu (2007), *Bước đầu tìm hiểu Phật giáo Nam tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
14. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang (2009), *Nguyễn Trung Trực - Người anh hùng bắt từ đất Nam Bộ*, Kiên Giang, tháng 12.

Abstract

RELIGIOUS DIVERSITY IN THE SOUTH WEST PART OF THE SOUTH VIETNAM (A case study of Kien Giang province)

Nguyen Hong Duong
Institute for Religious Studies, VASS
Nguyen Thi Bích Thủy
Rach Gia city, Kien Giang

The article refers to religious diversity in the Southwest region through a case study of Kien Giang province. Religious diversity in Kien Giang does not only reflect in the number of 11 religions, 21 religious organizations but it also manifests diversity in each religion. Religious diversity is expressed through fusion and harmony of religions, religions and beliefs, religions and ethnic culture. Religious diversity in Kien Giang has characteristics such as individual cohesion into small religious communities; contribute to the preservation and promotion of ethnic cultural values; boldness of the sacred object.

Keywords: Religious diversity; Southwest; Vietnam.